TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **28/**2018/QĐST-DS	*Định Quán, ngày 24 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Liệu.**
2. Bà **Nguyễn Thị Quy.**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 76/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị N**- sinh năm 1965.

Địa chỉ:, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông **Võ H**- sinh năm 1971.

Nơi đăng ký thường trú:, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay:, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Ông **Phạm Văn Thọ** - Luật sư, văn phòng Luật sư Thái Bình thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Võ Thị T** - sinh năm 1967.

Địa chỉ:, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông **Võ B** - sinh năm 1967.

Địa chỉ:, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà **Võ Thị S** - sinh năm 1973.

Địa chỉ:, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các đương sự thỏa thuận được về việc chia thừa kế tài sản đối với diện tích 19.642m^2 thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 394849 cấp ngày 31/11/2012, tọa lạc tại ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, trị giá đất là 785.680.000 đồng do ông Võ T (Đã chết) đứng tên chủ sử dụng đất như sau:

2.1. Bà Võ Thị N được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu những tài sản sau:

- Diện tích đất 9.821m^2 thuộc phần đất thửa 17B (Diện tích 9.821m^2 nằm trong diện tích đất 19.642m^2 thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 17), được giới hạn bởi các mốc 3-4-5-6-7-8 (Trong đó mốc từ 3-4 giáp suối có chiều dài 107,59m, mốc từ 4-5 giáp suối có chiều dài 16,9m, mốc từ 5-6 giáp suối có chiều dài 34,74m, mốc từ 6-7 giáp suối có chiều dài 36,73m, mốc từ 7-8 giáp đường nhựa hướng từ đường 101 đi Quốc lộ 20 có chiều dài 149,38m) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 642/2018 ngày 09/04/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh huyện Định Quán;

- 15 cây bưởi theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán nằm trên diện tích đất 9.821m^2 thuộc phần đất thửa 17B (Diện tích 9.821m^2 nằm trong diện tích đất 19.642m^2 thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 17) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 642/2018 ngày 09/04/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh huyện Định Quán.

2.2. Ông Võ H được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu những tài sản như sau:

- Diện tích đất 9.821m^2 thuộc phần đất thửa 17A (Diện tích 9.821m^2 nằm trong diện tích đất 19.642m^2 thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 17), được giới hạn bởi các mốc 1-2-3-8 (trong đó mốc từ 1-8 là mặt giáp đường nhựa hướng từ đường 101 đi Quốc lộ 20 có chiều dài 127,35m, mốc từ 1-2 là mặt giáp thửa đất số 25 có chiều dài 90,33m, mốc từ 2-3 là phần giáp suối có chiều dài 90,33m) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 642/2018 ngày 09/04/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh huyện Định Quán.

- Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, phần nhà chính diện tích 8m x 6,1m + 5,9m x 5m (phần mái hiên 3m x 5,9m, mái hiên nhà chính), diện tích phần nhà chính 78,3m^2, diện tích mái hiên nhà chính 17,7m^2); kết cấu nhà chính: mái tôn, trần tôn lạnh, tường gạch, sơn nước, cột gạch chịu lực, cửa sổ và cửa chính bằng sắt và kính, nền gạch caramic; kết cấu phần mái hiên nhà chính: cột gạch, mái tôn, cột sắt, diện tích mái hiên trước 6m x 8m; 01 căn nhà gỗ là nhà tạm, diện tích 7,9m x 5,1m; kết cấu mái tôn, vách gỗ, cột gỗ, nền xi măng; 70 cây điều trồng từ năm 1994 đường kính khoảng 30cm cao khoảng 03m, do cha mẹ của ông Võ H và bà Võ Thị N trồng; 07 cây xoài trồng được 06 năm; 05 cây tràm trồng từ năm 2000 có đường kính thân 30 cm, cao 6m; 15 cây dừa trồng từ năm 2014; 01 cây gỗ tạp mọc tự nhiên, đường kính thân 15cm; 01 giếng khoan sâu 60m; 135 cây bưởi đã trồng; 94 cây đu đủ trồng được 15 tháng.

2.3. Bà Võ Thị N tự nguyện thanh toán lại giá trị 15 cây bưởi cho ông Võ H với số tiền là 2.000.000 đồng. Ông Võ H được sở hữu số tiền này.

2.4. Bà Võ Thị N và ông Võ H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động về diện tích đất theo quy định pháp luật về quản lý đất đai.

2.5. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng định giá tài sản là 4.700.000 đồng, bà N và ông H mỗi người tự nguyện chịu $^1/_2$ tiền chi phí tố tụng là 2.350.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng đủ tiền chi phí tố tụng nên ông H đồng ý hoàn trả lại cho bà N 2.350.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.6. Về án phí:

- Bà Võ Thị N phải chịu 19.642.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế và 300.000 đồng án phí (đối với số tiền 2.000.000 đồng tự nguyện thanh toán cho ông Hiền). Tổng cộng bà N phải chịu 19.942.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai số 001046 ngày 23/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Bà N còn phải nộp 12.442.000 đồng.

- Ông Võ H phải chịu 19.642.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia thừa kế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Định Quán;
- Lưu HSVA.

Trần Văn Tuấn